

CHƯƠNG 3

Phần 3.1. Hình thái kinh tế- xã hội

1. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là:

- A. Hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội
- B. Kết quả của sự vận dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật vào việc nghiên cứu đời sống xã hội và lịch sử nhân loại
- C. Một trong những phát hiện vĩ đại của các nhà triết học duy tâm
- D. Hệ thống quan điểm của các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu xã hội; là một trong những phát hiện vĩ đại của chủ nghĩa Mác

2. Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây của V.I.Lênin: “Chủ nghĩa Mác đã mở đường cho việc nghiên cứu rộng rãi và toàn diện quá trình phát sinh, phát triển và suy tàn của...”

- A. Các hệ thống vật chất trong giới tự nhiên
- B. Các quá trình kinh tế và chính trị- tự nhiên
- C. Các sự vật, hiện tượng trong thế giới tự nhiên, xã hội và tư duy
- D. Các hình thái kinh tế- xã hội

3. Nguồn gốc sâu xa của sự vận động phát triển của xã hội là do?

- A. Sự phát triển của kiến trúc thượng tầng
- B. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng
- C. Sự phát triển của quan hệ sản xuất
- D. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

4. Điền thêm từ để hoàn thiện nhận định sau đây và xác định đó là nhận định của ai?

“Điểm khác biệt căn bản giữa xã hội loài người với xã hội loài vật là ở chỗ: loài vật may mắn lắm chỉ hái lượm trong khi con người lại...(2)...”

- A. Biết sáng tạo/Ph.Ăngghen
- B. Sản xuất/Ph.Ăngghen
- C. Tiến hành lao động/C.Mác
- D. Tư duy/V.I.Lênin

5. Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm duy vật lịch sử: Sản xuất vật chất giữ vai trò là:

- A. Nền tảng của xã hội
- B. Nền tảng vật chất của xã hội
- C. Nền tảng tinh thần của xã hội
- D. Nền tảng kỹ thuật, công nghệ của xã hội

6. Thực chất của lịch sử xã hội loài người là:

- A. Lịch sử đấu tranh giai cấp
- B. Lịch sử của văn hóa
- C. Lịch sử của sản xuất vật chất
- D. Lịch sử của các tôn giáo

7. Cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người là:

- A. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý
- B. Dân số và mật độ dân cư
- C. Sản xuất vật chất
- D. Điều kiện tự nhiên, hoàn cảnh địa lý; Dân số và mật độ dân cư

8. Theo C.Mác, các nền kinh tế căn bản được phân biệt với nhau bởi:

- A. Phương thức sản xuất
- B. Mục đích của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- C. Mục đích tự nhiên của quá trình sản xuất ra của cải vật chất
- D. Mục đích xã hội của quá trình sản xuất ra của cải vật chất

9. Lực lượng sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- A. Mối quan hệ giữa con người với con người trong sở hữu tư liệu sản xuất
- B. Mối quan hệ giữa các yếu tố tinh thần
- C. Mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, khả năng chinh phục tự nhiên của con người
- D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong phân phối sản phẩm

10. Tính chất của lực lượng sản xuất là:

- A. Tính chất hiện đại và tính chất cá nhân
- B. Tính chất cá nhân và tính chất xã hội hóa
- C. Tính chất xã hội hóa và tính chất hiện đại
- D. Tính chất hã hội và tính chất hiện đại

11. Quan hệ sản xuất biểu hiện mối quan hệ nào?

- A. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham gia vào quá trình sản xuất
- B. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất
- C. Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất
- D. Mối quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất;
Mối quan hệ giữa các yếu tố tham vào quá trình sản xuất

12. Trong chủ nghĩa duy vật lịch sử, khái niệm “phương thức sản xuất” dùng để chỉ:

- A. Cách thức tiến hành sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn lịch sử nhất định của xã hội loài người
- B. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn l/sử nhất định
- C. Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội

D. Quá trình sản xuất ra của cải vật chất trong một giai đoạn /sử nhất định; Cơ chế vận hành kinh tế trong các điều kiện lịch sử của xã hội

13. Mỗi phương thức sản xuất đều được tạo nên bởi hai mặt:

- A. Kỹ thuật và công nghệ
- B. Kỹ thuật và lao động
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Kỹ thuật và tổ chức

14. Nhân tố nào giữ vai trò quyết định trong lực lượng sản xuất là:

- A. Tư liệu sản xuất
- B. Người lao động
- C. Công cụ lao động
- D. Đối tượng lao động

15. Lực lượng sản xuất bao gồm các nhân tố:

- A. Người lao động và công cụ lao động
- B. Người lao động và lao động, sản xuất
- C. Người lao động và tư liệu sản xuất
- D. Người lao động và đối tượng lao động

16. Loại hình sản xuất nào dưới đây là cơ sở của sự tồn tại và phát triển của xã hội?

- A. Sản xuất vật chất
- B. Sản xuất tinh thần
- C. Sản xuất ra bản thân con người
- D. Sản xuất tinh thần; Sản xuất ra bản thân con người

17.Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phải tìm cơ sở sâu xa của các hiện tượng xã hội ở?

- A. Trong tư tưởng, tinh thần, ý chí chủ quan của con người
- B. Trong nền sản xuất vật chất của xã hội
- C. Trong chủ trương, chính sách của nhà nước
- D. Trong truyền thống văn hóa xã hội

18. Quan hệ nào dưới đây giữ vai trò cơ bản quyết định các quan hệ xã hội khác?

- A. Quan hệ chính trị
- B. Quan hệ văn hóa
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Quan hệ tình cảm

19.C.Mác viết: “Cái cối xay quay bằng tay đưa lại xã hội có lãnh chúa phong kiến, cái cối xay chạy bằng máy hơi nước đưa lại xã hội tư bản công nghiệp”. Câu nói trên phản ánh quan điểm nào:

- A. Vai trò quyết định của quan hệ sản xuất đối với lực lượng sản xuất
- B. Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại độc lập với nhau
- D. Vai trò quyết định của lực lượng sản xuất đối với quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại độc lập với nhau

20.Nhân tố quan trọng nhất trong hệ thống quan hệ sản xuất là:

- A. Quan hệ về tổ chức sản xuất
- B. Quan hệ về sở hữu trí tuệ
- C. Quan hệ về sở hữu về tư liệu sản xuất
- D. Quan hệ về phân phối kết quả sản phẩm

21. Mọi quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mối quan hệ:

- A. Luôn luôn thống nhất với nhau
- B. Luôn luôn đối lập loại trừ nhau
- C. Thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập
- D. Luôn luôn thống nhất với nhau; Luôn luôn đối lập loại trừ nhau

22. Tìm đáp án sai:

- A. Quan hệ sản xuất không tác động trở lại lực lượng sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn
- D. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất và quan hệ sản xuất; Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có khả năng phát sinh mâu thuẫn

23. Khi nào quan hệ sản xuất trở thành xiềng xích kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất:

- A. Khi quan hệ sản xuất phản ánh đúng lực lượng sản xuất
- B. Khi quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Khi quan hệ sản xuất được xây dựng trên nền tảng của lực lượng sản xuất
- D. Khi quan hệ sản xuất lỗi thời, lạc hậu so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Khi quan hệ sản xuất tiên tiến vượt trước quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

24. Khi xuất hiện mâu thuẫn gay gắt giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì:

- A. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước

- B. Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất được thay đổi thông qua những cuộc cải cách và các cuộc cách mạng xã hội
- D. Quan hệ sản xuất không thể thay đổi được vì nó được bảo vệ bằng quyền lực nhà nước; Lực lượng sản xuất phải tự điều chỉnh cho phù hợp với quan hệ sản xuất

25. Quy luật cơ bản nhất, chi phối quyết định toàn bộ quá trình vận động, phát triển của lịch sử xã hội loài người là:

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật quan hệ sản xuất phụ thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Quy luật phát triển kinh tế phải gắn với phát triển văn hóa, xã hội
- D. Quy luật phát triển khoa học và công nghệ phải dựa trên phát triển kinh tế

26. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, động lực cơ bản nhất của mọi quá trình phát triển của xã hội là:

- A. Sự phát triển của khoa học
- B. Sự phát triển của khoa học và công nghệ
- C. Sự vận động của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- D. Đấu tranh giai cấp

27. Sự thay thế và phát triển của các phương thức sản xuất phản ánh:

- A. Xu hướng tất yếu khách quan của quá trình phát triển xã hội loài người từ trình độ thấp đến trình độ ngày càng cao hơn
- B. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội
- C. Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động

- D. Mong muốn chủ quan của giai cấp thống trị xã hội; Mong muốn chủ quan của các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động

28. Quan hệ sản xuất đóng vai trò là:

- A. Yếu tố quyết định trong phương thức sản xuất
- B. Nội dung vật chất của quá trình sản xuất
- C. Nội dung tinh thần của quá trình sản xuất
- D. Hình thức xã hội của quá trình sản xuất

29. Tìm đáp án sai theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- A. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại trong tính quy định lẫn nhau, thống nhất với nhau
- B. Tương ứng với thực trạng phát triển nhất định của lực lượng sản xuất tất yếu đòi hỏi phải có quan hệ sản xuất phù hợp
- C. Quan hệ sản xuất có vai trò quyết định đối với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất

30. Nội dung vật chất của quá trình sản xuất bao gồm:

- A. Nhà xưởng, máy móc, công cụ lao động
- B. Người lao động và tư liệu sản xuất
- C. Người lao động và đối tượng lao động
- D. Tư liệu lao động và đối tượng lao động

31. Mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong một phương thức sản xuất là:

- A. Quan hệ giữa ngẫu nhiên/ tất nhiên
- B. Quan hệ giữa nguyên nhân/ kết quả
- C. Quan hệ giữa nội dung/ hình thức
- D. Quan hệ giữa bản chất/ hiện tượng

32.Sự phù hợp của quan hệ sản xuất với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất thể hiện:

- A. Quan hệ sản xuất tạo điều kiện cho việc kết hợp có hiệu quả các yếu tố của lực lượng sản xuất
- B. Các kết quả của năng suất lao động và hiệu quả của sản xuất tăng lên
- C. Quan hệ sản xuất tạo điều kiện cho việc kết hợp có hiệu quả các yếu tố của lực lượng sản xuất; Các kết quả của năng suất lao động và hiệu quả của sản xuất tăng lên
- D. Quan hệ sản xuất kết hợp có hiệu quả các yếu tố của lực lượng sản xuất;

33.Trong các yếu tố sau, yếu tố nào là tiêu chuẩn khách quan để phân biệt các thời đại kinh tế khác nhau?

- A. Lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Kiến trúc thượng tầng
- D. Cơ sở hạ tầng

34.Trong các yếu tố sau, yếu tố nào tiêu biểu cho bộ mặt tinh thần của xã hội?

- A. Lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Kiến trúc thượng tầng
- D. Cơ sở hạ tầng

35.Đâu là yếu tố động nhất, cách mạng nhất trong lực lượng sản xuất?

- A. Công cụ lao động
- B. Đối tượng lao động

- C. Phương tiện lao động
- D. Đối tượng lao động và phương tiện lao động

36.Điền vào chỗ trống, C.Mác khẳng định: “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những ... nào”:

- A. Đối tượng lao động
- B. Công cụ lao động
- C. Phương tiện lao động
- D. Tư liệu lao động

37.Trong lực lượng sản xuất, đâu là nhân tố hàng đầu giữ vai trò quyết định?

- A. Người lao động
- B. Tư liệu sản xuất
- C. Công cụ lao động
- D. Phương tiện lao động

38.Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất được thể hiện rõ nhất ở:

- A. Sự phát triển của người lao động và công cụ lao động
- B. Sự phát triển của giới tự nhiên
- C. Sự phát triển của đối tượng lao động
- D. Sự phát triển của giới tự nhiên và công cụ lao động

39.Quan hệ nào quy định địa vị kinh tế - xã hội của các tập đoàn người trong sản xuất?

- A. Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất
- B. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất
- C. Quan hệ về phân phối sản phẩm lao động
- D. Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất và phân phối sản phẩm lao động

40. Quan hệ nào có vai trò quyết định trực tiếp đến quy mô, tốc độ, hiệu quả của nền sản xuất?

- A. Quan hệ về tổ chức quản lý sản xuất
- B. Quan hệ về phân phối sản phẩm
- C. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất
- D. Quan hệ về phân phối sản phẩm và quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất

41. Quan hệ nào nói lên cách thức và quy mô của cải vật chất mà các tập đoàn người được hưởng?

- A. Quan hệ về tổ chức sản xuất
- B. Quan hệ về phân phối sản phẩm
- C. Quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất
- D. Quan hệ về tổ chức sản xuất và quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất

42. Quy luật cơ bản nhất của sự vận động và phát triển xã hội (131)

- A. Quy luật đấu tranh giai cấp
- B. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- C. Quy luật cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- D. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

43. Trong mỗi quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì:

- A. Lực lượng sản xuất là yếu tố biến đổi nhanh còn quan hệ sản xuất biến đổi chậm
- B. Quan hệ sản xuất biến đổi nhanh còn lực lượng sản xuất biến đổi chậm
- C. Cả hai yếu tố đều không biến đổi
- D. Chỉ có quan hệ sản xuất biến đổi còn lực lượng sản xuất giữ nguyên

44. Trong mỗi quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất thì:

- A. Lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất còn quan hệ sản xuất tác động trở lại lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất quyết định lực lượng sản xuất còn lực lượng sản xuất tác động trở lại quan hệ sản xuất
- C. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là mỗi quan hệ một chiều
- D. Quan hệ sản xuất tồn tại độc lập với lực lượng sản xuất

45. Trong mỗi quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

- A. Quan hệ sản xuất luôn luôn thúc đẩy lực lượng sản xuất
- B. Quan hệ sản xuất luôn luôn kìm hãm lực lượng sản xuất
- C. Quan hệ sản xuất chỉ thúc đẩy mà không kìm hãm lực lượng sản xuất
- D. Quan hệ sản xuất thúc đẩy hoặc kìm hãm lực lượng sản xuất

46. Lịch sử xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của:

- A. Các phương thức sản xuất
- B. Các phương tiện lao động
- C. Các đối tượng lao động
- D. Các phương tiện lao động và các đối tượng lao động

47. Trong thực tiễn, muốn phát triển kinh tế phải bắt đầu từ:

- A. Phát triển lực lượng lao động và công cụ lao động
- B. Phát triển phương tiện lao động
- C. Phát triển đối tượng lao động
- D. Phát triển đối tượng lao động và phương tiện lao động

48. Trong thực tiễn, muốn xóa bỏ một quan hệ sản xuất cũ, thiết lập một quan hệ sản xuất mới trước tiên phải căn cứ vào:

- A. Mệnh lệnh hành chính
- B. Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

- C. Ý muốn chủ quan, duy ý chí của người lao động
- D. Mọi sắc lệnh từ trên ban xuống

49. Xét đến cùng, nguyên nhân biến đổi căn bản của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là:

- A. Do sự phát triển của quan hệ sản xuất
- B. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- C. Do ý muốn chủ quan của con người
- D. Do ý muốn chủ quan của con người và do sự phát triển của quan hệ sản xuất

50. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, mối quan hệ nào là cơ bản, đầu tiên, chủ yếu, quyết định mọi quan hệ xã hội khác?

- A. Quan hệ tình cảm
- B. Quan hệ huyết thống
- C. Quan hệ sản xuất
- D. Quan hệ tôn giáo

51. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, để xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần phải:

- A. Theo khuynh hướng chủ quan, duy ý chí
- B. Nôn nóng, bất chấp các quy luật khách quan
- C. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa
- D. Coi phát triển văn hóa là nền tảng để phát triển xã hội

52. Đặc trưng của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa là:

- A. Sự không đồng thuận về chính trị và tinh thần trong toàn xã hội
- B. Sự mâu thuẫn gay gắt về chính trị trong toàn xã hội
- C. Sự mâu thuẫn gay gắt về tinh thần trong đời sống xã hội
- D. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần của toàn xã hội

53. Trong mỗi quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

- A. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng có tính độc lập tương đối so với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thượng tầng tồn tại độc lập với cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng luôn luôn kìm hãm cơ sở hạ tầng

54. Trong mỗi quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

- A. Cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- B. Cơ sở hạ tầng tồn tại độc lập so với kiến trúc thượng tầng
- C. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động kìm hãm của kiến trúc thượng tầng
- D. Cơ sở hạ tầng luôn luôn chịu tác động thúc đẩy của kiến trúc thượng tầng

55. Khái niệm cơ sở hạ tầng dùng để chỉ:

- A. Quan hệ kinh tế của xã hội
- B. Kết cấu vật chất- kỹ thuật làm cơ sở để phát triển kinh tế
- C. Quan hệ chính trị của xã hội
- D. Quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội

56. Cơ sở hạ tầng là khái niệm dùng để chỉ;

- A. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất
- B. Toàn bộ những quan hệ sản xuất của một xã hội trong sự vận động hiện thực của chúng hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội đó
- C. Toàn bộ cơ sở hạ tầng vật chất- kỹ thuật của một khu dân cư nhất định
- D. Toàn bộ đất đai, máy móc, phương tiện để sản xuất; Toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định

57. Khái niệm kiến trúc thượng tầng dùng để chỉ:

- A. Toàn bộ thiết chế chính trị của xã hội
- B. Toàn bộ thiết chế chính trị và pháp luật của xã hội
- C. Toàn bộ thiết chế chính trị- xã hội

D. Toàn bộ những quan điểm, tư tưởng xã hội với những thiết chế xã hội tương ứng cùng những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định

58. Trong kiến trúc thượng tầng của xã hội có giai cấp, yếu tố cơ bản nhất, tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất tới cơ sở hạ tầng của xã hội là yếu tố:

- A. Tổ chức nhà nước
- B. Tổ chức tôn giáo
- C. Các tổ chức văn hóa- xã hội
- D. Tổ chức tôn giáo; Các tổ chức văn hóa- xã hội

59. Quan hệ giữa vai trò là đặc trưng cho chế độ kinh tế của một xã hội nhất định:

- A. Quan hệ sản xuất tàn dư
- B. Quan hệ sản xuất thống trị
- C. Quan hệ sản xuất mầm mống
- D. Quan hệ về phân phối sản phẩm

60. Chọn câu trả lời đúng nhất: Thông thường, kiến trúc thượng tầng của các nước tư bản hiện nay là?

- A. Luôn thực hiện nhất nguyên về chính trị
- B. Không thực hiện chế độ đa nguyên về chính trị
- C. Tùy từng nước mà có thực hiện chế độ đa nguyên chính trị hay không
- D. Thực hiện chế độ đa đảng, đa nguyên về chính trị

61. Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Nhà nước là:

- A. Tổ chức phi chính phủ
- B. Tổ chức quyền lực phi giai cấp
- C. Tổ chức quyền lực mang bản chất của giai cấp sở hữu tư liệu sản xuất của xã hội
- D. Tổ chức quyền lực mang bản chất của mọi giai cấp trong xã hội

62. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là hai phương diện cơ bản của đời sống xã hội đó là:

- A. Phương diện kinh tế và phương diện chính trị- xã hội
- B. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật
- C. Phương diện văn hóa và phương diện khoa học kỹ thuật
- D. Phương diện kinh tế và phương diện khoa học kỹ thuật; Phương diện văn hóa

63. Chọn câu trả lời đúng nhất, trong mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng:

- A. Cơ sở hạ tầng luôn quyết định kiến trúc thượng tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng
- C. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng
- D. Chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó kiến trúc thượng tầng quyết định cơ sở hạ tầng

64. Quan điểm, tư tưởng của xã hội là yếu tố thuộc phạm trù nào?

- A. Kiến trúc thượng tầng
- B. Quan hệ sản xuất
- C. Cơ sở hạ tầng
- D. Tồn tại xã hội

65. Sự tác động của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng là sự tác động:

- A. Luôn diễn ra theo chiều hướng tích cực
- B. Luôn diễn ra theo chiều hướng tiêu cực
- C. Tiêu cực là cơ bản và đôi khi theo chiều hướng tích cực
- D. Diễn ra theo chiều hướng tích cực và tiêu cực

66. Giai cấp nào nắm quyền lực nhà nước trong kiến trúc thượng tầng?

- A. Giai cấp nắm quyền sở hữu tư liệu sản xuất của xã hội
- B. Giai cấp chiếm số lượng đông đảo về nhân lực trong xã hội
- C. Giai cấp làm ra của cải vật chất cho xã hội
- D. Giai cấp chiếm số lượng đông đảo về nhân lực trong xã hội; Giai cấp làm ra của cải vật chất cho xã hội

67. Vai trò của kiến trúc thượng tầng đối với cơ sở hạ tầng

- A. Kiến trúc thượng tầng có vai trò quyết định cơ sở hạ tầng
- B. Kiến trúc thượng tầng chịu sự quyết định hoàn toàn của cơ sở hạ tầng, nó không có vai trò gì đối với cơ sở hạ tầng
- C. Kiến trúc thượng tầng thường xuyên có vai trò tác động trở lại cơ sở hạ tầng
- D. Kiến trúc thượng tầng luôn luôn tác động tích cực đối với cơ sở hạ tầng

68. Mối quan hệ giữa lĩnh vực kinh tế và lĩnh vực chính trị của xã hội được khái quát trong quy luật nào:

- A. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Quy luật đấu tranh giai cấp
- C. Quy luật và mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng

D. Quy luật tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

69.. Chọn câu trả lời đúng theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử

Mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng là mối quan hệ:

- A. Luôn luôn thống nhất với nhau
- B. Luôn luôn đối lập với nhau
- C. Thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập
- D. Luôn luôn thống nhất với nhau; đối lập với nhau

70. Tính ưu việt của kiến trúc thượng tầng xã hội chủ nghĩa được biểu hiện ở:

- A. Hệ tư tưởng của giai cấp nông dân
- B. Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân
- C. Hệ tư tưởng của giai cấp tư sản
- D. Hệ tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản

71. Trong nhận thức và thực tiễn, nếu tuyệt đối hóa kinh tế, hạ thấp và phủ nhận yếu tố chính trị là rơi vào quan điểm của:

- A. Quan điểm lịch sử cụ thể
- B. Quan điểm phát triển
- C. Quan điểm toàn diện
- D. Quan điểm duy vật tầm thường

72. Trong thời kỳ đổi mới đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương:

- A. Đổi mới chính trị làm trung tâm
- B. Đổi mới kinh tế làm trung tâm
- C. Đổi mới văn hóa làm trung tâm
- D. Đổi mới tôn giáo làm trung tâm

73. Điền từ vào chỗ trống, V.I.Lênin viết: "...là sự biểu hiện tập trung của..."

- A. Văn hóa/ Chính trị

- B. Chính trị/ Kinh tế
- C. Kinh tế/ Chính trị
- D. Văn hóa/ Kinh tế

74. Trong hình thái kinh tế - xã hội:

- A. Lực lượng sản xuất là nền tảng tinh thần của xã hội
- B. Lực lượng sản xuất là nền tảng vật chất của xã hội
- C. Quan hệ sản xuất là quan hệ chủ quan
- D. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất tồn tại độc lập

75. Xét đến cùng, sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là do sự phát triển của:

- A. Quan hệ sản xuất
- B. Quan hệ xã hội
- C. Lực lượng sản xuất
- D. Kiến trúc thượng tầng

76. Điền vào chỗ trống: Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ ra “Con đường đi lên cả nước ta là sự phát triển của quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ ...”

- A. Phong kiến
- B. Tư bản chủ nghĩa
- C. Cộng sản chủ nghĩa
- D. Chiếm hữu nô lệ

77. Nguyên nhân trực tiếp của sự ra đời giai cấp trong xã hội?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự chênh lệch giữa giàu và nghèo
- C. Do sự xuất hiện chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự phát triển của công cụ lao động

78. Mỗi hình thái kinh tế- xã hội đều được cấu thành từ các nhân tố:

- A. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất
- B. Lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của xã hội và kiến trúc thượng tầng được nảy sinh trên cơ sở hạ tầng đó
- C. Lực lượng sản xuất, kiến trúc thượng tầng
- D. Cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng

79. Quá trình “lịch sử- tự nhiên” của sự phát triển các hình thái kinh tế- xã hội là quá trình phát triển theo:

- A. Quy luật tự nhiên
- B. Ý muốn chủ quan của con người
- C. Quy luật khách quan của xã hội
- D. Ý niệm tuyệt đối

80. Chọn câu trả lời đúng nhất:

Khẳng định tính lịch sử- tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế- xã hội, tức là khẳng định sự phát triển của xã hội:

- A. Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của giới tự nhiên
- B. Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của xã hội
- C. Tuân theo quy luật khách quan nhưng đồng thời cũng chịu sự tác động của nhân tố thuộc về hoạt động chủ quan của con người
- D. Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của giới tự nhiên; Hoàn toàn tuân theo quy luật khách quan của xã hội

81. Nhân tố quyết định đến xu hướng phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội là:

- A. Ý thức của giai cấp nắm quyền lực nhà nước
- B. Ý chí của nhân dân
- C. Quy luật khách quan
- D. Sự tác động của tình hình quốc tế đối với tiến trình phát triển của mỗi cộng đồng người trong lịch sử

82. Cách viết nào sau đây là đúng

- A. Hình thái kinh tế- xã hội

- B. Hình thái kinh tế của xã hội
- C. Hình thái kinh tế, xã hội
- D. Hình thái xã hội

83. Phạm trù hình thái kinh tế- xã hội là phạm trù được áp dụng cho?

- A. Cho xã hội trong từng giai đoạn lịch sử nhất định
- B. Cho xã hội cộng sản chủ nghĩa
- C. Cho xã hội tư bản
- D. Cho xã hội phong kiến

84. C.Mác viết: Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế- xã hội là một quá trình lịch sử- tự nhiên”, hiểu theo nghĩa

- A. Sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội là sự phát triển của giới tự nhiên
- B. Sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội tuân theo quy luật khách quan của xã hội
- C. Sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội tuân theo ý muốn chủ quan của con người
- D. Sự phát triển của các hình thái kinh tế- xã hội phụ thuộc vào điều kiện lịch sử của mỗi quốc gia

85. Chủ nghĩa duy vật lịch sử dựa trên cơ sở nào để phân chia lịch sử của nhân loại

- A. Hình thức nhà nước
- B. Hình thức tôn giáo
- C. Hình thái ý thức xã hội
- D. Hình thái kinh tế- xã hội

86. Theo quan niệm chủ nghĩa duy vật lịch sử, lịch sử loài người trải qua các hình thái kinh tế- xã hội

- A. Cộng sản nguyên thủy, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa
- B. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ cộng sản chủ nghĩa, chế độ tư bản chủ nghĩa
- C. Chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa

- D. Cộng sản nguyên thủy, chế độ phong kiến, chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ tư bản chủ nghĩa, chế độ cộng sản chủ nghĩa

87. Chọn câu trả lời đúng nhất và đầy đủ nhất từ góc độ thế giới quan, phương pháp luận nhận thức về xã hội:

Lý luận hình thái kinh tế- xã hội do C.Mác sáng lập đã khắc phục được những hạn chế cơ bản nào trong các quan niệm về xã hội đã từng có trước đây?

- A. Quan niệm duy tâm và tôn giáo
- B. Quan niệm duy vật tầm thường
- C. Quan niệm siêu hình và duy tâm, tôn giáo
- D. Quan niệm duy tâm khách quan và tôn giáo, huyền thoại

Phần 3.2. Giai cấp

88. Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện giai cấp?

- A. Do sự phát triển của lực lượng sản xuất
- B. Do sự thay đổi của quan hệ sản xuất trong xã hội
- C. Do sự xuất hiện của chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất
- D. Do sự xuất hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất

89. Thực chất của quan hệ giai cấp?

- A. Là quan hệ giữa bóc lột và bị bóc lột
- B. Là quan hệ giữa người giàu và người nghèo
- C. Là quan hệ giữa những người đi bóc lột với nhau
- D. Là quan hệ giữa những người cùng bị bóc lột với nhau

90. Trong các hình thức đấu tranh của giai cấp của giai cấp vô sản, hình thức nào cao nhất?

- A. Đấu tranh chính trị
- B. Đấu tranh kinh tế

- C. Đấu tranh tư tưởng
- D. Đấu tranh quân sự

91. Đấu tranh của giai cấp vô sản gồm hai giai đoạn cơ bản nào?

- A. Trước khi giành chính quyền và sau khi giành chính quyền
- B. Đấu tranh chính trị sau đó đấu tranh kinh tế
- C. Đòi tăng lương sau đó đòi giảm giờ làm
- D. Đòi mở rộng dân chủ và giai cấp công nhân giành chính quyền

92. Mâu thuẫn đối kháng giữa các giai cấp là do

- A. Sự đối lập nhau về văn hóa
- B. Sự đối lập về lợi ích cơ bản- lợi ích kinh tế
- C. Sự đối lập nhau về tư tưởng
- D. Sự đối lập nhau về lối sống

93. Nhiệm vụ chiến lược của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- A. Bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng đã giành được và cải tạo xã hội cũ, xây dựng thành công xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực
- B. Chỉ cần cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới
- C. Chỉ cần củng cố và bảo vệ chính quyền
- D. Chỉ cần củng cố và bảo vệ văn hóa

94. Trong các nội dung sau, đâu là nội dung chủ yếu và bao quát nhất của đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay?

- A. Làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch
- B. Chống áp bức, bất công
- C. Thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- D. Đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội, trong đó có tệ tham nhũng, lãng phí

95. Theo sự phát triển của lịch sử xã hội, thứ tự phát triển các hình thức cộng đồng người là:

- A. Bộ lạc - Thị tộc - Bộ tộc - Dân tộc
- B. Bộ lạc - Bộ tộc - Thị tộc - Dân tộc
- C. Thị tộc - Bộ lạc - Bộ tộc - Dân tộc
- D. Thị Tộc - Bộ tộc - Bộ lạc - Dân tộc

96. Tính chất của dân tộc được quy định bởi:

- A. Phương thức sản xuất thống trị trong dân tộc
- B. Địa bàn cư trú
- C. Xu thế của thời đại
- D. Đặc điểm ngôn ngữ, văn hóa

97. Trong các mối liên hệ cộng đồng sau, hình thức liên hệ nào là quan trọng nhất quy định đặc trưng của cộng đồng dân tộc?

- A. Cộng đồng lãnh thổ
- B. Cộng đồng kinh tế
- C. Cộng đồng ngôn ngữ
- D. Cộng đồng dân cư

98. Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?

- A. 54
- B. 55
- C. 56
- D. 57

99. Trong các đặc trưng của giai cấp thì đặc trưng nào giữ vai trò chi phối các đặc trưng khác:

- A. Tập đoàn này có thể chiếm đoạt lao động của tập đoàn khác
- B. Khác nhau về quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất xã hội
- C. Khác nhau về vai trò trong tổ chức lao động xã hội
- D. Khác nhau về địa vị trong hệ thống tổ chức xã hội

100. Phân chia giai cấp trong xã hội bắt đầu từ hình thái kinh tế - xã hội nào?

- A. Cộng sản nguyên thủy
- B. Chiếm hữu nô lệ
- C. Phong kiến
- D. Tư bản chủ nghĩa

101. Đấu tranh giai cấp, xét đến cùng là nhằm

- A. Phát triển sản xuất
- B. Giải quyết mâu thuẫn giai cấp
- C. Lật đổ sự áp bức của giai cấp thống trị bóc lột
- D. Giành chính quyền nhà nước

102. Vai trò của đấu tranh giai cấp trong lịch sử nhân loại?

- A. Là tiền đề của sự phát triển xã hội
- B. Là một động lực quan trọng của sự phát triển xã hội trong xã hội có giai cấp đối kháng
- C. Thay thế các hình thái kinh tế- xã hội từ thấp lên cao
- D. Lật đổ ách thống trị của giai cấp thống trị

103. Hình thức đấu tranh đầu tiên của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản là hình thức nào?

- A. Đấu tranh tư tưởng
- B. Đấu tranh kinh tế
- C. Đấu tranh chính trị

D. Đấu tranh vũ trang

104. Điền từ vào chỗ trống: Dân tộc là một cộng đồng thống nhất về.....:

A. Ngôn ngữ, kinh tế

B. Chính trị

C. Tư tưởng

D. Phong cách

105. Điền từ vào chỗ trống: Quan hệ giai cấp... khuynh hướng phát triển và tính chất của dân tộc.

A. Chi phối

B. Là tiền đề

C. Quyết định

D. Là yếu tố

106. Hình thức cộng đồng người nào hình thành khi xã hội loài người đã bắt đầu có sự phân chia thành giai cấp?

A. Bộ lạc

B. Thị tộc

C. Bộ tộc

D. Dân tộc

Phần 3.3. Nhà nước và cách mạng

107. Nguyên nhân trực tiếp nào dẫn đến sự ra đời của nhà nước?

A. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội gay gắt không thể điều hòa được.

B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất

C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

108. Nguyên nhân sâu xa của sự xuất hiện nhà nước?

A. Sự phát triển của lực lượng sản xuất

B. Mâu thuẫn giai cấp

- C. Đấu tranh giai cấp
- D. Phát triển kinh tế

109. Bản chất của nhà nước là gì?

- A. Là một tổ chức chính trị, bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- B. Là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự hiện hành và đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- C. Là một tổ chức chính trị của các giai cấp thống trị nhằm để đàn áp sự phản kháng của các giai cấp khác.
- D. Là một tổ chức chính trị nhằm bảo vệ trật tự xã hội

110. Theo Ăngghen, nhà nước có mấy đặc trưng cơ bản:

- A. Một
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

111. Chức năng nào giữ vị trí quyết định, chi phối và định hướng chức năng xã hội của Nhà nước?

- A. Chức năng đối nội
- B. Chức năng đối ngoại
- C. Chức năng thống trị chính trị
- D. Chức năng trấn áp

112. Theo Ăngghen, chức năng nào là cơ sở của chức năng thống trị chính trị?

- E. Chức năng đối nội
- F. Chức năng đối ngoại
- G. Chức năng trấn áp
- H. Chức năng xã hội

113.Nguồn gốc trực tiếp nào dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội?

- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp
- A. Đấu tranh giai cấp trong xã hội không có giai cấp
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội

114. Nguồn gốc sâu xa dẫn đến cách mạng xã hội?

- A. Mâu thuẫn giai cấp trong xã hội gay gắt không thể điều hòa được.
- B. Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất
- C. Mâu thuẫn giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội
- D. Mâu thuẫn giữa lợi ích của các giai cấp

115.Theo học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác, bản chất của cách mạng xã hội là gì?

- I. Là sự thay đổi các lĩnh vực của đời sống xã hội
- J. Là sự thay đổi về kinh tế của xã hội
- K. Là sự thay đổi tính chất của lực lượng sản xuất
- L. Là sự thay đổi có tính chất căn bản về chất của một hình thái kinh tế - xã hội; là phương thức thay đổi từ một hình thái kinh tế - xã hội này lên một hình thái kinh tế - xã hội mới, tiến bộ hơn.

116.Các hình thức và phương pháp cách mạng hiện nay là

- A. Phương pháp cách mạng bạo lực
- B. Phương pháp hòa bình
- C. Phương pháp đấu tranh chính trị
- D. Phương pháp cách mạng bạo lực và phương pháp hòa bình

117.Thời cơ cách mạng là gì?

- A. Là thời điểm đặc biệt khi điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng xã hội đã chín muồi.

- B. Là khi lực lượng sản xuất mâu thuẫn với quan hệ sản xuất
- C. Sự phần nộ của quần chúng lên cao
- D. Sự khủng hoảng của giai cấp thống trị

118.Cơ sở nào để phân biệt nhà nước với các tổ chức xã hội khác?

- M. Bản chất của nhà nước
- N. Đặc trưng của nhà nước
- O. Chức năng của nhà nước
- P. Hình thức của Nhà nước

119.Đối tượng của cách mạng xã hội là gì?

- Q. Là những giai cấp cách mạng
- R. Là những lực lượng tiến bộ
- S. Là những giai cấp và những lực lượng đối lập cần phải đánh đổ của cách mạng
- T. Là giai cấp có hệ tư tưởng tiến bộ, đại diện cho xu hướng phát triển của xã hội

120.Giai cấp lãnh đạo của cách mạng xã hội là ai?

- U. Là giai cấp có hệ tư tưởng lạc hậu
- V. Là giai cấp đại diện cho xu hướng phản cách mạng
- W. Là giai cấp bảo thủ
- X. Là giai cấp có hệ tư tưởng tiến bộ, đại diện cho xu hướng phát triển của xã hội, cho phương thức sản xuất tiến bộ

121.Lực lượng cách mạng xã hội là gì?

- A. Là những giai cấp, tầng lớp người có lợi ích gắn bó với cách mạng, tham gia vào các phong trào cách mạng đang thực hiện mục đích của cách mạng
- B. Là những giai cấp, tầng lớp người có lợi ích không gắn bó với cách mạng
- C. Là những giai cấp, tầng lớp phản cách mạng
- D. Là những giai cấp, tầng lớp thống trị

122. Theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội là gì?

- A. Là sự thay đổi từng lĩnh vực của đời sống xã hội

- B. Phương thức tiến hành đấu tranh của một nhóm người với mục đích giành chính quyền
- C. Là sự biến đổi có tính chất bước ngoặt và căn bản về chất trong toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội, Là phương thức chuyển từ một hình thái kinh tế - xã hội lỗi thời lên một hình thái kinh tế - xã hội mới ở trình độ phát triển cao hơn
- D. Tạo nên những thay đổi bộ phận của đời sống xã hội

123.Sau khi phân tích về qui luật phát triển không đồng đều của các nước đế quốc đầu thế kỷ XX, Lênin đã chỉ ra rằng cách mạng XHCN chỉ có thể xảy ra và thành công ở đâu?

- A. Các nước tư bản phát triển cao
- B. Các nước tư bản trung bình, thậm chí chưa qua tư bản chủ nghĩa.
- C. Các nước tư bản Châu Âu
- D. Các nước nghèo ở Phương Đông

124. Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước

- A. Của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
- B. Của giai cấp lãnh đạo
- C. Của những người lao động nghèo
- D. Của tầng lớp tri thức

125.Căn cứ vào tính chất giai cấp của nhà nước thì có các kiểu nhà nước nào?

- A. Nhà nước chủ nô quý tộc, phong kiến, tư sản, XHCN
- B. Nhà nước nguyên thủy, chủ nô, tư sản, XHCN
- C. Nhà nước nguyên thủy, phong kiến, tư sản, XHCN
- D. Nhà nước nguyên thủy, chủ nô, phong kiến, XHCN

126. Trong các kiểu nhà nước, nhà nước nào khác về chất so với các nhà nước trước đó?

- A. Chủ nô quý tộc
- B. Phong kiến
- C. Tư bản
- D. Xã hội chủ nghĩa

Phần 3.4. Tồn tại xã hội

127.Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, yếu tố quan trọng nhất tạo thành điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội là:

- A. Điều kiện tự nhiên
- B. Phương thức sản xuất
- C. Điều kiện dân cư
- D. Điều kiện tự nhiên và điều kiện dân cư

128.Chọn câu trả lời theo quan điểm duy tâm về lịch sử:

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội:

- A. Suy đến cùng, tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
 - B. Suy đến cùng, ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
 - C. Tồn tại trong mối quan hệ phụ thuộc vào nhau, không cái nào quyết định cái nào
 - D. Tùy từng điều kiện mà xem xét cái nào quyết định cái nào
- A

129.Quan điểm cho rằng: “ý thức xã hội luôn luôn là yếu tố phụ thuộc vào tồn tại xã hội, nó không có tính độc lập tương đối” là quan điểm của:

- A. Chủ nghĩa duy vật biện chứng
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

130. Quan điểm cho rằng: “Tồn tại quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương của nó” là quan điểm của:

- A. Chủ nghĩa duy tâm
- B. Chủ nghĩa duy vật lịch sử
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử; Chủ nghĩa duy vật siêu hình

131. Vai trò của ý thức cá nhân đối với ý thức xã hội

- A. Ý thức cá nhân độc lập với ý thức xã hội
- B. Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội
- C. Ý thức cá nhân là phương thức tồn tại và biểu hiện của ý thức xã hội ở từng người
- D. Ý thức cá nhân độc lập với ý thức xã hội; Ý thức cá nhân quyết định ý thức xã hội

132. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội là do:

- A. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội
- B. Do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội
- C. Do vấn đề lợi ích
- D. Bản chất của ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội; Do sức mạnh của thói quen, truyền thống, tập quán cũng như do tính lạc hậu bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội; Do vấn đề lợi ích

133. Vai trò của tồn tại xã hội trong mối quan hệ với ý thức xã hội

- A. Ý thức xã hội hoàn toàn phụ thuộc một cách thụ động vào tồn tại xã hội
- B. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

D. Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội; Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

134. Quan điểm cho rằng: “Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội nhưng đồng thời ý thức xã hội lại có tính độc lập tương đối của nó” là quan điểm của:

- A. Chủ nghĩa duy vật
- B. Chủ nghĩa duy tâm
- C. Chủ nghĩa duy vật siêu hình
- D. Chủ nghĩa duy vật lịch sử

135. Điều kiện cơ bản để ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội?

- E. Ý thức xã hội phải phù hợp với tồn tại xã hội
- F. Hoạt động thực tiễn của con người
- G. Điều kiện vật chất bảo đảm
- H. Ý thức xã hội phải “vượt trước” tồn tại xã hội

136. Tồn tại xã hội là gì?

- A. Toàn bộ sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội
- B. Là mặt tinh thần của xã hội
- C. Là bộ phận hợp thành của văn hóa tinh thần của xã hội
- D. Là toàn bộ hoạt động vật chất và tinh thần của xã hội

137. Ý thức xã hội là gì?

- A. Là mặt tinh thần của đời sống xã hội
- B. Là toàn bộ sinh hoạt vật chất
- C. Là những điều kiện sinh hoạt vật chất
- D. Là nền tảng quan trọng nhất của xã hội

137. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai?

- A. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội

- B. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối
- C. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- D. Tồn tại xã hội quyết định nội dung, đặc điểm của ý thức xã hội

138.Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào đúng?

- A. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
- B. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội
- C. Tồn tại xã hội độc lập hoàn toàn với ý thức xã hội
- D. Tồn tại xã hội phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức xã hội

139.Tính lạc hậu của ý thức xã hội là:

- A. Xã hội cũ đã mất đi rồi song ý thức xã hội do xã hội đó sản sinh ra vẫn còn tồn tại
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
- C. Ý thức xã hội có thể tác động trở lại tồn tại xã hội
- D. Các hình thái ý thức xã hội tác động qua lại với nhau

140.Tính kế thừa của ý thức xã hội là:

- A. Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội
- B. Tư tưởng của thời đại sau dựa vào những tiền đề tư tưởng đã có trong giai đoạn lịch sử trước đó.
- C. Các hình thái ý thức xã hội tác động qua lại với nhau
- D. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội

141.Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai:

- A. Tồn tại xã hội quyết định xu hướng vận động, phát triển của ý thức xã hội
- B. Tồn tại xã hội có mối quan hệ biện chứng với ý thức xã hội
- C. Ý thức xã hội hoàn toàn thụ động trước tồn tại xã hội
- D. Ý thức xã hội có tính độc lập tương đối

142.Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quan điểm nào sai:

- A. Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn tồn tại xã hội
- B. Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội

- C. Ý thức xã hội có tính kế thừa
- D. Ý thức xã hội quyết định tồn tại xã hội

143. Các nhà kinh điển của Chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng:

- A. Đời sống tinh thần độc lập với đời sống vật chất
- B. Đời sống tinh thần là cơ sở phát triển của đời sống vật chất
- C. Đời sống tinh thần của xã hội hình thành và phát triển trên cơ sở đời sống vật chất
- D. Phải tìm nguồn gốc của tư tưởng trong đầu óc con người

144. Điều kiện cơ bản nhất để thay đổi ý thức xã hội cũ là:

- A. Thay đổi văn hóa
- B. Thay đổi chế độ chính trị
- C. Thay đổi tôn giáo
- D. Thay đổi tồn tại xã hội cũ

145. Điều kiện cơ bản nhất để thay đổi ý thức xã hội cũ là:

- A. Thay đổi tư tưởng
- B. Thay đổi chế độ chính trị
- C. Thay đổi pháp luật
- D. Thay đổi tồn tại xã hội cũ

146. Hiện nay ở nước ta còn tồn tại tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, điều đó thể hiện tính chất gì của ý thức xã hội:

- A. Tính lạc hậu
- B. Tính kế thừa
- C. Tính độc lập
- D. Tính vượt trước

147. Ý thức xã hội thông thường là:

- A. Những tri thức, những quan niệm hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày
- B. Những tư tưởng, những quan điểm được tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa thành các học thuyết

- C. Những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc
- D. Những tri thức bao quát và vạch ra mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng

148. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, ý thức lý luận là:

- A. Những tri thức của con người hình thành một cách trực tiếp trong đời sống hàng ngày
- B. Những tri thức chưa được hệ thống hóa, chưa được tổng hợp và khái quát hóa
- C. Những tri thức có khả năng phản ánh hiện thực khách quan một cách sâu sắc và vạch ra những mối liên hệ, bản chất của sự vật, hiện tượng
- D. Phong phú hơn ý thức xã hội thông thường

149. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tâm lý xã hội:

- A. Phản ánh một cách gián tiếp và tự giác những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- B. Toàn bộ tư tưởng, tình cảm, thói quen... phản ánh một cách trực tiếp và tự phát những điều kiện sinh hoạt hàng ngày của con người
- C. Vạch ra những mối liên hệ bản chất, tất yếu mang tính quy luật của các sự vật, hiện tượng
- D. Tồn tại độc lập với hệ tư tưởng

150. Tìm đáp án sai, hệ tư tưởng:

- A. Sự nhận thức lý luận về tồn tại xã hội
- B. Có khả năng đi sâu vào bản chất của mọi mối quan hệ xã hội
- C. Tồn tại độc lập với tâm lý xã hội
- D. Là kết quả của sự tổng kết, khái quát hóa các kinh nghiệm xã hội để hình thành nên những quan điểm, tư tưởng...

151. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, hình thái ý thức nào giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội

- A. Ý thức chính trị
- B. Ý thức đạo đức

- C. Ý thức nghệ thuật
- D. Ý thức tôn giáo

152. Hình thái ý thức xã hội nào phản ánh hư ảo sức mạnh của giới tự nhiên bên ngoài lẫn các quan hệ xã hội vào đầu óc con người?

- A. Ý thức pháp luật
- B. Ý thức chính trị
- C. Ý thức tôn giáo
- D. Ý thức đạo đức

153. Tìm đáp án sai?

- A. Ý thức khoa học phản ánh hiện thực một cách chân thực
- B. Ý thức khoa học phản ánh hiện thực chính xác
- C. Ý thức khoa học phản ánh hư ảo sức mạnh của giới tự nhiên vào đầu óc con người
- D. Ý thức khoa học phản ánh sự vật bằng tư duy logic, thông qua hệ thống các khái niệm, phạm trù, quy luật

154. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- A. Con người không thể sáng tạo ra lịch sử mà chỉ là sản phẩm của lịch sử
- B. Con người vừa là chủ thể vừa là sản phẩm của lịch sử
- C. Con người chỉ có thể thích ứng hoàn toàn với những điều kiện có sẵn
- D. Con người sáng tạo ra lịch sử chỉ theo ý muốn chủ quan chứ không tuân theo các quy luật khách quan

155. Hoạt động lịch sử đầu tiên khiến con người tách khỏi con vật:

- A. Hoạt động chính trị - xã hội
- B. Hoạt động thực nghiệm khoa học
- C. Hoạt động văn hóa
- D. Hoạt động chế tạo công cụ lao động

156. Câu tục ngữ “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng” có ý nghĩa chính là:

- A. Con người là chủ thể của lịch sử
- B. Môi trường xã hội ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- C. Môi trường xã hội không ảnh hưởng tới nhân cách của con người
- D. Con người không thể sáng tạo ra lịch sử

157. C.Mác viết: “Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội”, có ý nghĩa là:

- A. C.Mác bác bỏ hoàn toàn mặt tự nhiên của con người
- B. C.Mác nhấn mạnh bản chất xã hội của con người
- C. C.Mác nhấn mạnh mặt tự nhiên của con người
- D. C.Mác nhấn mạnh bản chất con người mang tính trừu tượng

158. Bản chất xã hội của con người được bộc lộ?

- A. Khi tồn tại trong các quan hệ xã hội
- B. Khi thoát ly khỏi điều kiện lịch sử
- C. Khi tách rời khỏi môi trường xã hội
- D. Khi tồn tại trong mối quan hệ với tự nhiên

159. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- A. Con người sáng tạo ra toàn bộ giới tự nhiên
- B. Con người là một bộ phận của giới tự nhiên
- C. Con người chỉ cần tuân theo các quy luật xã hội
- D. Con người chỉ cần cải tạo chứ không cần phải hòa hợp với giới tự nhiên

160. Quan điểm “con người là chủ thể của lịch sử” được hiểu thế nào?

- A. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên
- B. Con người là chủ thể duy nhất sáng tạo ra giới tự nhiên và xã hội
- C. Con người điều khiển lịch sử phát triển hoàn toàn theo ý muốn chủ quan mà không cần theo các quy luật khách quan
- D. Con người nắm vững và vận dụng sáng tạo quy luật khách quan tác động vào tự nhiên, xã hội thúc đẩy nó phát triển phù hợp với nhu cầu của mình

161. Quan điểm “con người là sản phẩm của lịch sử” được hiểu:

- A. Bản chất của con người không bao giờ thay đổi
- B. Con người hoàn toàn lệ thuộc vào lịch sử
- C. Bản chất của con người phụ thuộc vào điều kiện lịch sử quy định
- D. Bản chất của con người hoàn toàn là sản phẩm của giới tự nhiên

162. Quy luật nào giữ vai trò quan trọng nhất trong việc hình thành bản chất của con người?

- A. Các quy luật xã hội
- B. Các quy luật của giới tự nhiên
- C. Các quy luật sinh học
- D. Các quy luật tâm lý

163. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- A. Con người đã có nhân cách ngay từ khi mới sinh ra
- B. Con người là thực thể sinh học – xã hội
- C. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật sinh học
- D. Con người chỉ chịu sự tác động của quy luật xã hội

164. Xét đến cùng, quan hệ nền tảng chi phối các quan hệ khác của con người:

- A. Quan hệ huyết thống
- B. Quan hệ tôn giáo
- C. Quan hệ chính trị
- D. Quan hệ sản xuất vật chất

165. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- A. Xã hội là tập hợp những người có cùng huyết thống
- B. Xã hội là tập hợp những người có cùng sở thích
- C. Xã hội là tập hợp những người có cùng trình độ văn hóa
- D. Xã hội là tổng thể những mối liên hệ và những quan hệ của các cá nhân với nhau

166. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, trong hoạt động nhận thức và thực tiễn phải:

- A. Đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích xã hội
- B. Đặt lợi ích xã hội lên trên lợi ích cá nhân
- C. Giải quyết đúng đắn, hài hòa mối quan hệ xã hội – cá nhân
- D. Tách rời giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội

167. Tìm đáp án sai về quần chúng nhân dân:

- A. Là những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần, là lực lượng căn bản, chủ chốt
- B. Là toàn thể dân cư đang chống lại những kẻ áp bức, bóc lột thống trị và đối kháng với nhân dân
- C. Là một phạm trù lịch sử
- D. Là một phạm trù vĩnh viễn

168. Chủ thể chân chính sáng tạo ra lịch sử là:

- A. Giai cấp thống trị
- B. Một số các vĩ nhân
- C. Quần chúng nhân dân
- D. Một số các lãnh tụ

169. Theo chủ nghĩa duy vật lịch sử, quần chúng nhân dân:

- A. Là người sáng tạo chân chính ra lịch sử
- B. Phụ thuộc hoàn toàn vào các cá nhân kiệt xuất
- C. Phụ thuộc hoàn toàn vào lãnh tụ
- D. Phụ thuộc hoàn toàn vào giai cấp thống trị

ANSWER: A

170. Để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải:

- A. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần

- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích vật chất
- D. Chỉ tập trung giải quyết lợi ích tinh thần

171. Tìm đáp án sai, để phát huy mạnh mẽ vai trò con người trong giai đoạn hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện:

- A. Con người được đặt ở vị trí trung tâm của sự phát triển kinh tế và xã hội
- B. Đề cao chủ nghĩa cá nhân
- C. Kết hợp giữa lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần
- D. Chú trọng tuyên truyền giáo dục, động viên kịp thời các hiện tượng tích cực của con người trong xã hội

172. Từ mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân, rút ra ý nghĩa phương pháp luận:

- A. Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ
- B. Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân
- C. Tách rời mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân
- D. Kết hợp hài hòa, khoa học vai trò quần chúng nhân dân và lãnh tụ

173. Tuyệt đối hóa vai trò của lãnh tụ sẽ dẫn đến:

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Coi trọng quần chúng nhân dân
- C. Phát huy được tính năng động, sáng tạo của quần chúng nhân dân
- D. Coi trọng quần chúng nhân dân và phát huy được sự sáng tạo của họ

174. Tuyệt đối hóa vai trò của quần chúng nhân dân sẽ dẫn đến:

- A. Tệ sùng bái cá nhân
- B. Xem nhẹ vai trò của các cá nhân và lãnh tụ
- C. Phát huy được tính sáng tạo của cá nhân và lãnh tụ
- D. Tệ sùng bái cá nhân và phát huy được vai trò sáng tạo của cá nhân, lãnh tụ

175. Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử:

Con người là:

- A. Thực thể vật chất tự nhiên
- B. Thực thể chính trị và đạo đức
- C. Thực thể chính trị, có tư duy và văn hóa
- D. Thực thể tự nhiên và xã hội

176. Chọn câu trả lời đúng nhất theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử: Bản chất của con người là:

- A. Thiện
- B. Ác
- C. Không thiện, không ác
- D. Tổng hòa các mối quan hệ xã hội

177. Điền thêm từ để có câu trả lời đúng theo quan niệm duy vật lịch sử và xác định đó là nhận định của ai?

“Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là...”

- A. Tổng hòa các quan hệ kinh tế/V.I.Lênin
- B. Tổng hòa các quan hệ xã hội/ Ph.Ăngghen
- C. Tổng hòa những quan hệ xã hội/ C.Mác
- D. Tổng hòa các quan hệ tự nhiên và kinh tế/C.Mác

178. Chọn mệnh đề để đúng theo quan niệm duy vật lịch sử:

- A. Con người là chủ thể sáng tạo ra lịch sử
- B. Lịch sử sáng tạo ra con người; con người không thể sáng tạo ra lịch sử
- C. Con người không thể sáng tạo ra lịch sử mà chỉ có thể thích ứng với những điều kiện sẵn có

D. Con người sáng tạo ra lịch sử trong phạm vi những điều kiện khách quan mà lịch sử trước đó đã tạo ra cho nó.